

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 94 /QĐ-THADS

Vĩnh Long, ngày 03 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán
ngân sách nhà nước từ nguồn phí được để lại năm 2025

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1933/QĐ-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp về việc thành lập Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-CQLTHADS ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Cục quản lý Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước từ nguồn phí được để lại năm 2025 cho Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Công văn số 2975/CQLTHADS-KHTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Cục quản lý Thi hành án dân sự về việc thông báo và hướng dẫn sử dụng kinh phí điều hòa phí đợt 4 năm 2025;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính kế toán Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước từ nguồn phí được để lại năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.
(theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính kế toán Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục quản lý THDS (để b/c);
- Trưởng THADS (để b/c);
- Các phó trưởng THADS (để biết);
- Niêm yết tại cơ quan;
- Đăng tải công thông tin điện tử;
- Lưu VT^(TCKT)

**KT. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**



Lê Thị Hải Yến



Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Thị hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long
Mã chương: 014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 94/QĐ-THADS ngày 03/02/2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Thị hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long
1	2	3	4=5	5
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	4.988.638.000	4.988.638.000	4.988.638.000
I	Số thu phí, lệ phí	739.000.000	739.000.000	739.000.000
1	Lệ phí	0	0	0
	Lệ phí...	0	0	0
	Lệ phí...	0	0	0
2	Phí	739.000.000	739.000.000	739.000.000
	Phí thi hành án (điều chỉnh tăng)	739.000.000	739.000.000	739.000.000
	Phí ...	0	0	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	3.510.638.000	3.510.638.000	3.510.638.000
I	Chi sự nghiệp.....	0	0	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
2	Chi quản lý hành chính	3.510.638.000	3.510.638.000	3.510.638.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nhận điều hòa phí)	3.104.188.000	3.104.188.000	3.104.188.000
b	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Giao điều chỉnh chi từ nguồn phí để lại 55%)	406.450.000	406.450.000	406.450.000
c	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	0	0	0
d	Phí thi hành án nộp Tổng cục	0	0	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0
I	Lệ phí	0	0	0
	Lệ phí...	0	0	0
	Lệ phí...	0	0	0
2	Phí	225.395.000	225.395.000	225.395.000
	Phí thi hành án nộp ngân sách	184.750.000	184.750.000	184.750.000
	Tiết kiệm 10% theo Nghị định 173/2025/NQ-CP	40.645.000	40.645.000	40.645.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0
	Tiền lương, phụ cấp, và các khoản đóng góp	0	0	0
	Mua máy photocopy	0	0	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long
	Tam ứng cưỡng chế	0	0	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	
	Tinh giản biên chế	0	0	
	Thuê kho vật chứng	0	0	
	Kinh phí mua sắm tài sản theo đề án	0	0	
	May trang phục	0	0	
	Bảo trì trụ sở	0	0	
	Quỹ tiền thưởng	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0	0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0	0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	
1.1	Dự án A	0	0	
1.2	Dự án B	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	
2.1	Dự án A	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long
3.1	Dự án A	0	0	
3.2	Dự án B	0	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0
4.1	Dự án A	0	0	
4.2	Dự án B	0	0	
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0
5.1	Dự án A	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0
6.1	Dự án A	0	0	
6.2	Dự án B	0	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0
7.1	Dự án A	0	0	
7.2	Dự án B	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0
8.1	Dự án A	0	0	
8.2	Dự án B	0	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0
9.1	Dự án A	0	0	
9.2	Dự án B	0	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0
10.1	Dự án A	0	0	
10.2	Dự án B	0	0	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0
1.1	Dự án A	0	0	
1.2	Dự án B	0	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0
2.1	Dự án A	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0
3.1	Dự án A	0	0	
3.2	Dự án B	0	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0
4.1	Dự án A	0	0	
4.2	Dự án B	0	0	
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0
5.1	Dự án A	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0
6.1	Dự án A	0	0	
6.2	Dự án B	0	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0
7.1	Dự án A	0	0	
7.2	Dự án B	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0
8.1	Dự án A	0	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long
8.2	Dự án B	0	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0
9.1	Dự án A	0	0	
9.2	Dự án B	0	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0
10.1	Dự án A	0	0	
10.2	Dự án B	0	0	